PHỤ LỤC

(Kèm theo Tờ trình số 32/TTr-KT ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Phòng Kinh tế xã Sơn Mai)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú - Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	**CHI ĐIỀU TRA, THU THẬP, RÀ SOÁT VÀ CHUẨN HÓA THÔNG TIN ĐẤT ĐAI**				**28.160.000**		
1	Hỗ trợ người cung cấp thông tin là cá nhân theo phiếu điều tra, thu thập thông tin hợp lệ (Theo GCN rà soát)	Phiếu	408	30.000	12.240.000	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND, Phụ lục, mục IV, điểm b: mức chi đối với cá nhân cung cấp thông tin. Chỉ thực hiện đối với phiếu có nội dung điều tra, thu thập thông tin thực tế, đầy đủ, hợp lệ.	
2	Hỗ trợ tổ chức cung cấp thông tin theo phiếu điều tra, thu thập thông tin hợp lệ	Phiếu	408	30.000	12.240.000	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND, Phụ lục, mục IV, điểm b: mức chi đối với tổ chức cung cấp thông tin.	
3	Thuê nhân công thực hiện điều tra, khảo sát, xác minh, đối chiếu thông tin đất đai theo nhiệm vụ được giao	Người/ngày	16	230.000	3.680.000	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND, Phụ lục, mục IV, điểm c; mức tối đa bằng 200% mức lương cơ sở/ngày. Tạm tính mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng, chia 22 ngày. Chỉ áp dụng đối với nhân công thuê ngoài đủ điều kiện, không áp dụng cho công chức thực hiện nhiệm vụ thường xuyên.	
II	**CHI TUYÊN TRUYỀN, HƯỚNG DẪN VÀ VẬN ĐỘNG NGƯỜI DÂN**				**17.800.000**		
4	Tuyên truyền di động tại các thôn	Đợt	2	1.500.000	3.000.000	Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh, mục III.3 và mục V.7; Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh, Điều 7 khoản 1 (và theo thực tế)	
5	Pano tuyên truyền tại trung tâm, các tuyến đường	Tấm	10	1.000.000	10.000.000		
6	Pano tuyên truyền tại trung tâm các thôn	Tấm	8	600.000	4.800.000		
III	**CHI PHỤC VỤ CÔNG TÁC KỸ THUẬT, SỐ HÓA VÀ TỔNG HỢP DỮ LIỆU**				**10.140.000**		
7	Sao chụp, quét (scan), số hóa, in trích lục và tài liệu phục vụ đối chiếu, rà soát, chuẩn hóa hồ sơ, dữ liệu đất đai	Gói	1	6.300.000	6.300.000	Kế hoạch số 128/KH-UBND, mục III.4, mục III.7, mục III.8; thực hiện theo khối lượng thực tế, báo giá/định mức phù hợp và chứng từ hợp pháp.	
8	Văn phòng phẩm phục vụ việc rà soát, phân loại, lập danh sách, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện	Gói	1	3.840.000	3.840.000	Kế hoạch số 128/KH-UBND, mục III.4, mục III.7, mục V.7; thanh toán theo nhu cầu thực tế, quy chế chi tiêu nội bộ và chứng từ hợp pháp.	
IV	**CHI PHỤC VỤ HỘI NGHỊ, TỔNG KẾT**				**3.900.000**		
9	Nước uống, giải khát giữa giờ phục vụ buổi họp đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện chiến dịch	Người/buổi	30	50.000	1.500.000	Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND, Điều 7 khoản 1: mức chi nước uống, giải khát giữa giờ.	
10	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham dự cuộc họp tổng kết (nếu đủ điều kiện)	Người/ngày	16	150.000	2.400.000	Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND, Điều 7 khoản 2 điểm c. Chỉ chi cho khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và đủ điều kiện theo quy định.	
TỔNG CỘNG					**60.000.000**		

(Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng)